

**UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP**



GIÁO TRÌNH KỸ THUẬT LÁI XE Ô TÔ

**NGÀNH, NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**



Năm 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình mô đun *Kỹ thuật lái xe ô tô* được xây dựng và biên soạn trên cơ sở chương trình khung đào tạo nghề Công nghệ ô tô đã được Ban Giám Hiệu Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng thẩm định và phê duyệt dựa vào năng lực thực hiện của người kỹ thuật viên ở các bậc trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp.

Trên cơ sở phân tích nghề và phân tích công việc của các cán bộ, kỹ thuật viên có nhiều kinh nghiệm, đang trực tiếp sản xuất và căn cứ vào tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng của ngành nghề để biên soạn giáo trình nhằm mục đích đạt được các nguyên tắc: Tính định hướng thị trường lao động; Tính hệ thống và khoa học; Tính ổn định và linh hoạt; Hướng tới liên thông, chuẩn đào tạo nghề khu vực và thế giới; Tính hiện đại và sát thực với sản xuất.

Giáo trình mô đun *Kỹ thuật lái xe ô tô* được dùng làm giáo trình cho học sinh - sinh viên trong nhà trường hoặc công nhân kỹ thuật, các nhà quản lý và người sử dụng nhân lực tham khảo.

Mặc dù ban biên soạn đã rất cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Ban biên soạn rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để giáo trình mô đun *Kỹ thuật lái xe ô tô* được hoàn thiện hơn, đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất ở các doanh nghiệp hiện tại và trong tương lai.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Tổ bộ môn

MỤC LỤC

MĐ 25.01. Luật giao thông đường bộ.....	13
1. Quy định về phương tiện giao thông.....	13
1.1. Điều kiện tham gia giao thông của xe cơ giới.....	13
1.2. Cấp, thu hồi đăng ký và biển số xe cơ giới.....	14
1.3. Bảo đảm quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ.....	14
1.4. Điều kiện tham gia giao thông của xe thô sơ.....	15
1.5. Điều kiện tham gia giao thông của xe máy chuyên dùng.....	15
2. Quy định về người khi tham gia giao thông.....	15
2.1. Điều kiện của người lái xe tham gia giao thông.....	15
2.2. Giấy phép lái xe.....	16
2.3. Tuổi, sức khỏe của người lái xe.....	17
2.4. Đào tạo lái xe, sát hạch để cấp giấy phép lái xe.....	17
2.5. Điều kiện của người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông.....	18
3. Biển báo hiệu đường bộ.....	18
MĐ 25.02. Công tác kiểm tra xe an toàn.....	21
1. Kiểm tra trước khi khởi động động cơ.....	21
1.1. Lên và xuống xe.....	21
1.2. Điều chỉnh ghế lái và gương chiếu hậu.....	22
2. Kiểm tra sau khi khởi động động cơ.....	24
3. Kiểm tra trước khi xe hoạt động.....	24
4. Kiểm tra và bảo dưỡng sau một ngày hoạt động.....	26
MĐ 25.03. Thao tác tay lái và tay số.....	37
1. Các bộ phận trong buồng lái và chức năng.....	37
1.1. Vô lăng lái: (giới thiệu tay lái thuận).....	38
1.2. Công tắc còi điện.....	38
1.3. Công tắc đèn.....	38
1.4. Khoá điện.....	39
1.5. Bàn đạp lý hợp (Côn).....	39
1.6. Bàn đạp phanh.....	40
1.7. Bàn đạp ga.....	40
1.8. Cần điều khiển số.....	41
1.9. Cần điều khiển phanh tay.....	41
1.10. Công tắc điều khiển gạt nước:.....	41
1.11. Các loại đồng hồ và đèn báo trên bảng đồng hồ.....	42
1.12. Một số bộ phận khác.....	43
2. Tư thế lái xe.....	43

2.1. Chuẩn bị trang phục	43
2.2. Ngồi vào ghế.....	44
2.3. Chỉnh khoảng cách ghế	44
2.4. Chỉnh độ nghiêng của ghế.....	45
2.5. Chỉnh chiều cao vô lăng	45
2.6. Chỉnh khoảng cách vô lăng	46
2.7. Điều chỉnh chiều cao ghế	46
2.8. Điều chỉnh tựa đầu ghế.....	47
2.9. Những điều chỉnh khác.....	47
2.10. Đặt tay trên vô lăng	48
2.11. Thắt dây an toàn đúng cách.....	48
2.12. Kiểm tra tầm nhìn.....	49
2.13. Để đồ đạc, hành lý trên xe	49
2.14. Chỉnh gương hậu trong xe	50
2.15. Sử dụng điều hòa.....	50
3. Thao tác điều khiển vô lăng.....	51
4. Thao tác điều khiển tay số	52
MĐ 25.04. Thao tác điều khiển chân ly hợp, chân ga, chân phanh và phanh tay.....	57
1. Thao tác điều khiển chân ly hợp.....	57
1.1. Phương pháp đạp ly hợp.....	57
1.2. Phương pháp nhả bàn đạp ly hợp	57
2. Thao tác điều khiển chân ga	58
2.1. Điều khiển ga khi khởi động động cơ	58
2.2. Điều khiển ga để xe ô tô khởi hành.....	58
2.3. Điều khiển ga để thay đổi tốc độ chuyển động của xe ô tô.....	58
3. Thao tác điều khiển chân phanh	60
3.1. Đạp bàn đạp phanh	60
3.2. Nhả bàn đạp phanh	60
3.3. Điều khiển phanh tay.....	60
4. Thao tác khởi hành	61
5. Thao tác tăng, giảm số.....	62
5.1. Phương pháp tăng số được thực hiện như sau:.....	63
5.2. Giảm số.....	64
6. Thao tác dừng xe	65
MĐ 25.05. Thực hành lái lái xe đi thẳng	69
1. Phương pháp căn đường khi lái xe đi thẳng.....	69
1.1. Cơ sở để căn đường.	69
1.2. Phương pháp chung	69

1.3. Cách xác định vị trí của xe đi trên đường.....	70
1.4. Cách xác định hướng chuyển động của xe trên đường.	70
2. Thực hành lái xe đi thẳng khi không nổ máy.....	70
2.1. Giới thiệu kết cấu chung của xe	70
2.2. Hướng dẫn sử dụng các thiết bị bên ngoài và bên trong buồng lái.....	70
2.3. Hướng dẫn sử dụng các thiết bị bên trong buồng lái:	71
2.4. Thao tác lên xuống xe và tư thế ngồi lái:	72
2.5. Quy trình khởi hành và dừng xe.....	74
2.6. Phương pháp dừng xe:.....	75
2.7. Quy trình đổi số.....	76
3. Thực hành lái xe đi thẳng khi có nổ máy	78
3.1. Thực hành quy trình khởi động động cơ.....	78
3.2. Kết hợp nghe tiếng máy khi đổi số	79
MD 25.06. Thực hành lái lái xe rẽ và quay đầu.....	81
1. Phương pháp căn đường khi rẽ và quay đầu	81
1.1. Cơ sở để căn đường.....	81
1.2. Phương pháp chung.....	81
1.3. Cách xác định vị trí của xe đi trên đường	82
1.4. Cách xác định hướng chuyển động của xe trên đường.	82
2. Thực hành lái xe rẽ và quay đầu khi không nổ máy	82
3. Thực hành lái xe rẽ và quay đầu khi có nổ máy.....	82
MD 25.07. Thực hành lái xe đi lùi.....	85
1. Phương pháp căn đường lái xe đi lùi.....	85
1.1 Cơ sở để căn đường.....	85
1.2. Phương pháp chung.....	85
1.3. Cách xác định vị trí của xe đi trên đường.	86
1.4. Cách xác định hướng chuyển động của xe trên đường.	86
2. Thực hành lái xe đi lùi khi không nổ máy	86
3. Thực hành lái xe đi lùi khi có nổ máy.....	87

TaiLieu.vn

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Kỹ thuật lái xe ô tô

Mã số mô đun: MĐ 30

Thời gian mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 41 giờ; KT: 4h)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

- Vị trí: Mô đun được bố trí dạy sau các môn học/ mô đun sau: MH 01, MH 02, MH 03, MH 04, MH 05, MH 06, MH 07, MH 08, MH 09, MH 10, MH 11, MH 12, MH 13, MH 14, MH 15, MĐ 16, MĐ 17, MĐ 18, MĐ 19, MĐ 20, MĐ 21, MĐ 22

- Tính chất: Mô đun chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

1. Kiến thức

- Luật giao thông đường bộ
- Kiểm tra tình trạng của xe trước vận hành
- Nắm vững các kiến thức cơ bản về lái xe

2. Kỹ năng

- Thao tác lái xe cơ bản trong xưởng sửa chữa, giúp kiểm tra và chẩn đoán

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành đúng quy trình, quy phạm trong công nghệ ô tô
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN:

MĐ 25.01. Luật giao thông đường bộ

MĐ 25.02. Công tác kiểm tra an toàn

MĐ 25.03. Thao tác tay lái và tay số

MĐ 25.04. Thao tác điều khiển chân ly hợp, chân ga, chân phanh và phanh tay

MĐ 25.05. Thực hành lái xe đi thẳng

MĐ 25.06. Thực hành lái xe rẽ và quay đầu

MĐ 25.07. Thực hành lái xe đi lùi

TaiLieu.vn

MD 25.01. LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

*** Giới thiệu:**

- Luật giao thông là luật dùng để quản lý và điều khiển các phương tiện giao thông.

- Tùy theo phương tiện vận chuyển, có thể là giao thông đường bộ, giao thông đường sắt, đường thủy hoặc hàng không. Cũng thường xảy ra những tai nạn giao thông. Quy tắc giao thông bên phải và giao thông bên trái là các quy tắc lưu thông cơ bản, trong đó xe cộ lưu thông nửa trái hoặc nửa phải của đường. Ở nội dung bài học này chúng ta sẽ tìm hiểu một số luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông.

*** Mục tiêu bài học**

- Nêu được các nội dung và yêu cầu cơ bản trong luật giao thông đường bộ.
- Nêu được các quy định về phương tiện giao thông đường bộ
- Nhận biết được các biển báo hiệu đường bộ
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

*** Nội dung:**

1. QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

1.1. Điều kiện tham gia giao thông của xe cơ giới

a) Xe ô tô đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau đây:

- Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;
- Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực;
- Tay lái của xe ô tô ở bên trái của xe; trường hợp xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ;
- Có đủ đèn chiếu sáng gần và xa, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu;
- Có bánh lốp đúng kích cỡ và đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại xe;
- Có đủ gương chiếu hậu và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển;
- Kính chắn gió, kính cửa là loại kính an toàn;
- Có còi với âm lượng đúng quy chuẩn kỹ thuật;
- Có đủ bộ phận giảm thanh, giảm khói và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường;
- Các kết cấu phải đủ độ bền và bảo đảm tính năng vận hành ổn định.

b) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ

thuật và bảo vệ môi trường quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều này.

c) Xe cơ giới phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

g) Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới.

h) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới được phép tham gia giao thông, trừ xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

1.2. Cấp, thu hồi đăng ký và biển số xe cơ giới

a) Xe cơ giới có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký và biển số.

b) Bộ trưởng Bộ Công an quy định và tổ chức cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại xe cơ giới; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và tổ chức cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại xe cơ giới của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

1.3. Bảo đảm quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ

a) Việc sản xuất, lắp ráp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng và nhập khẩu xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ phải tuân theo quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Không được cải tạo các xe ô tô khác thành xe ô tô chở khách.

b) Chủ phương tiện không được tự thay đổi kết cấu, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà chế tạo hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Xe ô tô và rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm tra định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm định).

d) Người đứng đầu cơ sở đăng kiểm và người trực tiếp thực hiện việc kiểm định phải chịu trách nhiệm về việc xác nhận kết quả kiểm định.

e) Chủ phương tiện, người lái xe ô tô chịu trách nhiệm duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện theo tiêu chuẩn quy định khi tham gia giao thông đường bộ giữa hai kỳ kiểm định.

g) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; quy định và tổ chức thực hiện kiểm định xe cơ giới. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định và tổ chức kiểm định xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

1.4. Điều kiện tham gia giao thông của xe thô sơ

a) Khi tham gia giao thông, xe thô sơ phải bảo đảm điều kiện an toàn giao thông đường bộ.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ tại địa phương mình.

1.5. Điều kiện tham gia giao thông của xe máy chuyên dùng

a) Bảo đảm các quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau đây:

- Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;
- Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực;
- Có đèn chiếu sáng;
- Bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển;
- Các bộ phận chuyên dùng phải lắp đặt đúng vị trí, chắc chắn, bảo đảm an toàn khi di chuyển;
- Bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường.

b) Có đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

c) Hoạt động trong phạm vi quy định, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển.

d) Việc sản xuất, lắp ráp, cải tạo, sửa chữa và nhập khẩu xe máy chuyên dùng phải tuân theo quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

g) Chủ phương tiện và người điều khiển xe máy chuyên dùng chịu trách nhiệm duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật và kiểm định theo quy định đối với xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông đường bộ.

h) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, cấp, thu hồi đăng ký, biển số; quy định danh mục xe máy chuyên dùng phải kiểm định và tổ chức việc kiểm định; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định và tổ chức việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số và kiểm định xe máy chuyên dùng của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc

2. QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI KHI THAM GIA GIAO THÔNG

2.1. Điều kiện của người lái xe tham gia giao thông

a) Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Người tập lái xe ô tô khi tham gia giao thông phải thực hành trên xe tập lái và có giáo viên bảo trợ tay lái.

b) Người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

- Đăng ký xe;

- Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới quy định tại Điều 59 của Luật này;
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới quy định tại Điều 55 của Luật này;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

2.2. Giấy phép lái xe

a) Căn cứ vào kiểu loại, công suất động cơ, tải trọng và công dụng của xe cơ giới, giấy phép lái xe được phân thành giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

b) Giấy phép lái xe không thời hạn bao gồm các hạng sau đây:

- Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³;
- Hạng A2 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm³ trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;
- Hạng A3 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 và các xe tương tự.

c) Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe hạng A1.

d) Giấy phép lái xe có thời hạn gồm các hạng sau đây:

- Hạng A4 cấp cho người lái máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;
- Hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;
- Hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;
- Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2;
- Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C;
- Hạng E cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D;
- Giấy phép lái xe hạng FB2, FD, FE cấp cho người lái xe đã có giấy phép lái xe hạng B2, D, E để lái các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nối toa; hạng FC cấp cho người lái xe đã có giấy phép lái xe hạng C để lái các loại xe quy định cho hạng C khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc.

g) Giấy phép lái xe có giá trị sử dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ của nước hoặc vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký cam kết công nhận giấy phép lái xe của nhau.

2.3. Tuổi, sức khỏe của người lái xe

- a) Độ tuổi của người lái xe quy định như sau:
- Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm³.
 - Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;
 - Người đủ 21 tuổi trở lên được lái xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; lái xe hạng B2 kéo rơ moóc (FB2);
 - Người đủ 24 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi; lái xe hạng C kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc (FC);
 - Người đủ 27 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; lái xe hạng D kéo rơ moóc (FD);
 - Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi là 50 tuổi đối với nữ và 55 tuổi đối với nam.

b) Người lái xe phải có sức khỏe phù hợp với loại xe, công dụng của xe. Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe của người lái xe.

2.4. Đào tạo lái xe, sát hạch để cấp giấy phép lái xe

a) Cơ sở đào tạo lái xe là loại hình cơ sở dạy nghề, phải có đủ điều kiện về lớp học, sân tập lái, xe tập lái, đội ngũ giáo viên, giáo trình, giáo án và phải được giấy cấp phép theo quy định.

b) Cơ sở đào tạo lái xe phải thực hiện đúng nội dung và chương trình quy định cho từng loại, hạng giấy phép lái xe.

c) Người có nhu cầu được cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3, A4, B1 phải được đào tạo. Người có nhu cầu được cấp giấy phép lái xe hạng B2, C, D, E và các giấy phép lái xe hạng F phải được đào tạo tập trung tại cơ sở đào tạo.

d) Việc đào tạo để nâng hạng giấy phép lái xe thực hiện cho những trường hợp sau đây:

- Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng B1 lên hạng B2;
- Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng B2 lên hạng C hoặc lên hạng D;
- Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng C lên hạng D hoặc lên hạng E;
- Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D lên hạng E;
- Nâng hạng giấy phép lái xe từ các hạng B2, C, D, E lên các hạng giấy phép lái các xe tương ứng có kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc.

g) Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 4 Điều này còn phải có đủ thời gian và số ki-lô-mét lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D, E tối thiểu phải có trình độ văn hóa trung học cơ sở.

h) Việc đào tạo lái xe ô tô chở người từ 10 chỗ ngồi trở lên và lái xe kéo rơ moóc chỉ được thực hiện bằng hình thức đào tạo nâng hạng với các điều kiện quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

i) Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô phải thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe. Các trung tâm sát hạch lái xe phải được xây dựng theo quy hoạch, có đủ cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sát hạch lái xe theo quy định.

k) Người sát hạch lái xe phải có thẻ sát hạch viên theo quy định và phải chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch của mình.

l) Người đã qua đào tạo và đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển.

Trường hợp giấy phép lái xe có thời hạn, trước khi hết thời hạn sử dụng người lái xe phải khám sức khỏe và làm các thủ tục theo quy định để được đổi giấy phép lái xe.

m) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho cơ sở đào tạo; quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo; sát hạch và cấp, đổi, thu hồi giấy phép lái xe; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo, sát hạch và cấp, đổi, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2.5. Điều kiện của người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông

a) Người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe phù hợp với ngành nghề lao động và có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng cấp.

b) Người điều khiển xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông phải mang theo các giấy tờ sau đây:

- Đăng ký xe;
- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng;
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng quy định tại Điều 57 của Luật này.

3. BIỂN BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ

a) Biển báo hiệu đường bộ gồm năm nhóm, quy định như sau:

- Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm;
- Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra;
- Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh phải thi hành;
- Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết;

- Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

b) Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.

c) Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ được đặt ở mép các đoạn đường nguy hiểm để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường.

g) Rào chắn được đặt ở nơi đường bị thắt hẹp, đầu cầu, đầu cống, đầu đoạn đường cấm, đường cắt không cho xe, người qua lại hoặc đặt ở những nơi cần điều khiển, kiểm soát sự đi lại.

h) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về báo hiệu đường bộ.

i) Chấp hành báo hiệu đường bộ

- Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.

- Khi có người điều khiển giao thông thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

- Tại nơi có biển báo hiệu cố định lại có báo hiệu tạm thời thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của báo hiệu tạm thời.

- Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Câu 1. Phân tích điều kiện tham gia giao thông của xe cơ giới.
- Câu 2. Trình bày quy định cấp, thu hồi đăng ký và biển số xe cơ giới.
- Câu 3. Trình bày điều kiện tham gia giao thông của xe thô sơ, xe máy chuyên dùng.
- Câu 4. Trình bày về quy định cấp giấy phép lái xe.
- Câu 5. Trình bày quy định độ tuổi, sức khỏe của người lái xe.
- Câu 6. Trình bày điều kiện để đào tạo, sát hạch và cấp giấy phép lái xe.
- Câu 7. Trình bày điều kiện của người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông.
- Câu 8. Trình bày quy định về biển báo hiệu đường bộ.

Tailieu.vn

MD 25.02. CÔNG TÁC KIỂM TRA XE AN TOÀN

* Giới thiệu:

Những bước kiểm tra đơn giản và không tốn quá nhiều thời gian dưới đây sẽ giúp bạn có hành trình thuận lợi và tránh được các rủi ro không đáng có.

* Mục tiêu:

- Nêu được yêu cầu khi kiểm tra xe an toàn
- Thực hiện được các thao tác kiểm tra xe an toàn
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

* Nội dung:

1. KIỂM TRA TRƯỚC KHI KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ.



Hình 25. 1. Kiểm tra xe trước khi khởi động động cơ

Trước khi đưa xe ra khỏi chỗ đỗ, cần kiểm tra đầy đủ các nội dung sau:

- Các nội dung kiểm tra trước khi khởi động xe.
- Áp suất hơi lốp, độ mòn hoa lốp và độ bền của lốp.
- Kiểm tra mức nhiên liệu, dầu, mỡ, nước làm mát.
- Kiểm tra sự hoạt động của kính, cửa xe, gương và các loại đèn.
- Độ an toàn của khu vực phía trước, sau, hai bên và dưới gầm xe
- Sự dò rỉ của nhiên liệu, dầu, mỡ, nước làm mát.
- Kiểm tra phanh, ly hợp, hộp số v.v.

1.1. Lên và xuống xe.

Người lái xe phải tập các động tác lên và xuống xe ô tô đúng kỹ thuật để đảm bảo an toàn.

a) Lên xe ô tô:



Hình 25. 2. Động tác lên xe

Trước khi lên xe, người lái xe cần phải quan sát tình trạng giao thông xung quanh, đặc biệt là phía sau rồi mới mở cửa xe và mở ở mức vừa đủ để người vào.

Lên xe nắm tay trái vào thành cửa, đưa chân phải vào trước, xoay người ngồi vào ghế lái rồi đưa chân trái vào. Đặt bàn chân phải vào bàn ga, chân trái vào bàn đạp côn. Riêng đối với loại xe có bậc lên xuống, dùng lực của hai cánh tay kéo chân phải đẩy người đứng lên bậc lên xuống, đưa chân phải vào. Sau đó đóng cửa, cài chốt để đề phòng tai nạn.

b) Xuống xe:



Hình 25. 3. Các bước xuống xe

Kiểm tra an toàn trước khi xuống xe ô tô cần thực hiện các động tác đỗ xe an toàn như: tắt động cơ, kéo phanh tay và quan sát tình hình giao thông xung quanh xe ô tô.

Mở chốt khoá cửa, mở hé cánh cửa, dừng lại để báo tín hiệu xuống xe, quan sát tình hình giao thông phía sau, sau đó mở vừa đủ để xuống xe.

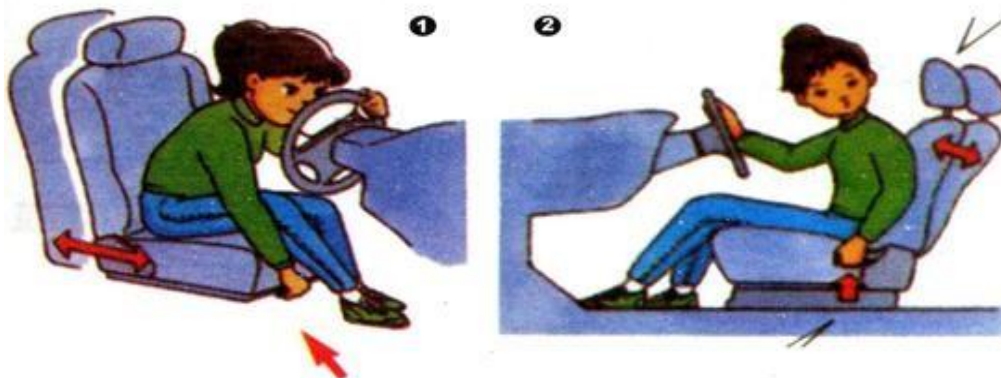
Xuống xe tay trái giữ vị trí cửa mở, đưa chân trái xuống trước, xoay người ra khỏi xe.

Đóng cánh cửa từ từ, khi còn khoảng 10cm thì đóng mạnh. Cần rèn thói quen khoá cửa trước khi rời khỏi xe.

Riêng đối với xe ô tô có bậc lên xuống, sau khi mở cửa đưa chân trái xuống bậc lên xuống, tay trái nắm vào thành cửa xe, xoay người đưa chân phải ra khỏi buồng lái, đồng thời rời tay phải khỏi vành tay lái nắm vào thành buồng lái, đưa chân trái xuống đất, sau đó đóng cửa xe.

1.2. Điều chỉnh ghế lái và gương chiếu hậu

a) Điều chỉnh ghế ngồi lái xe.



Hình 25. 4. Điều chỉnh ghế lái và đệm tựa